



dǔ chǎng

赌场

noun · casino

Example Sentences

ào mén yǒu hěn duō zhù míng de dǔ chǎng

澳门有很多著名的赌场。

Macau has many famous casinos.

tā yīn wèi cháng qù dǔ chǎng shū le hěn duō qián

他因为常去赌场输了很多钱。

He lost a lot of money because he often went to the casino.

Trace each character, then write the word on your own.

赌	赌	赌	赌	赌	赌	赌	赌	赌	赌	赌
赌	赌	赌	赌							
场	场	场	场	场	场	场	场	场		